

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN CHỢ MỚI **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TỈNH BẮC KẠN

Bản án số: **45/2024/HS-ST**
Ngày: 19-8-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI – TỈNH BẮC KẠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bảo Thanh Toàn**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lưu Khánh Toàn** và ông **Nguyễn Tiến Tùng**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Vy Thị Hoài Nụ** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Mạnh Khoa** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 48/2024/TLST - HS, ngày 05 tháng 7 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2024/QĐXXST-HS, ngày 18 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2024/HSST-QĐ ngày 29/7/2024 đối với bị cáo:

HOÀNG QUÝ Đ - sinh ngày 24/3/1998 tại huyện C, tỉnh Bắc Kạn; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn B, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 6/12; dân tộc: Dao; giới tính: nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hoàng Phúc T và con bà Bàn Thị G; có vợ là: Y Kúi và có 02 con; Tiền án, Tiền sự: không.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

* **Nguyên đơn dân sự:** Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn; Người đại diện theo pháp luật là ông Hoàng Nguyễn V – Chủ tịch; Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng là ông Dương Văn H - Phó Trưởng phòng Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện C, tỉnh Bắc Kạn (Có mặt).

* **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Bàn Thị G, sinh năm 1980 (Có mặt);
2. Ông Hoàng Phúc T1, sinh năm 1975 (Vắng mặt có lý do, có đơn xin xét xử vắng mặt);
3. Bà Bàn Thị H1, sinh năm 1982 (Vắng mặt có lý do, có đơn xin xét xử vắng

mặt);

4. Chị Y K, sinh năm 1997 (Có mặt).

Đều trú tại: Thôn B, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 9 đến tháng 10 năm 2023, do có nhu cầu canh tác trồng cây mỗ, phát triển kinh tế gia đình, Hoàng Quý Đ đã một mình dùng dao của Đ và cưa xăng (cưa lốc) của bố mẹ đẻ (là ông Hoàng Phúc T1 và bà Bàn Thị G) đi lên khu rừng thuộc lô 30, khoảnh 8, tiểu khu C để phát, phá rừng. Quá trình phát, Đ dùng cưa xăng để cắt những cây gỗ to, dùng dao để phát cây vầu và cây bụi. Sau khi phát phá được khoảng nửa tháng thì bị Cơ quan kiểm lâm phát hiện.

Hồi 06 giờ 00, ngày 06/10/2023, Trạm kiểm lâm Sáu Hai – Hạt kiểm lâm huyện C nhận được tin báo của quần chúng nhân dân về việc phát phá rừng trái pháp luật tại thôn Bản Lù, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Trên cơ sở đó, Hạt kiểm lâm huyện C tiến hành kiểm tra hiện trường khu vực rừng bị phát phá.

Ngày 17/10/2023, Hạt kiểm lâm huyện C phối hợp với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C và các thành phần liên quan tổ chức khám nghiệm hiện trường tại khu rừng thuộc khoảnh H, tiểu khu C thuộc khu vực thôn Bản Lù, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, xác định: Khu vực bị phát phá thuộc lô 30, khoảnh 8, tiểu khu C (theo Bản đồ quy hoạch 3 loại rừng xã T kèm theo Quyết định 1794/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh B) thuộc thôn Bản Lù, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn thuộc loại rừng phòng hộ, trạng thái TXB (Rừng gỗ tự nhiên núi đất là rừng thường xanh trung bình). Theo bản đồ đất lâm nghiệp, địa chính xã T xác định, diện tích khu rừng bị phát phá thuộc: Thửa số 163, tờ bản đồ số 3, đứng tên quyền sử dụng là bà Bàn Thị H1, sinh năm 1982, trú tại: Thôn B, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Tổng diện tích bị phát phá là 4.756 m² (*Bốn nghìn bảy trăm năm sáu mét vuông*). Lâm sản bị thiệt hại: 2.686 cây vầu có đường kính gốc từ 03 cm đến 05 cm, chiều dài từ 04 m đến 07 m bị chặt phá; 47 cây gỗ thông thường, tự nhiên từ nhóm VI đến nhóm VIII bị cưa, chặt đổ, có tổng khối lượng là 11,258m³ (*Mười một phẩy hai năm tám mét khối*).

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số: 03/KL - HĐĐGTSTTHS ngày 09/01/2024 của Hội đồng định giá tài sản trọng Tổ tụng hình sự huyện C, Công văn số 15/CV-HĐĐGTSTTHS ngày 18/7/2024 của Hội đồng định giá tài sản trọng Tổ tụng hình sự huyện C về việc đính chính Kết luận số 03 ngày 09/01/2024 kết luận: Giá trị thiệt hại phải bồi thường khi có hành vi vi phạm pháp luật gây thiệt hại về

rừng đối với việc phát phá rừng trái phép tại lô 30, khoảnh 8, tiểu khu C (bản đồ quy hoạch 3 loại rừng xã T được phê duyệt tại Quyết định 1794/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của UBND tỉnh B) thuộc thôn Bản Lù, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn vào thời điểm 06/10/2023. Diện tích rừng bị phát, phá là 4.756 m², chưa đốt cháy, chức năng rừng là rừng phòng hộ, trạng thái TBX (rừng gỗ tự nhiên núi đất lá rộng thường xanh trung bình) là 34.247.000đ (Ba mươi tư triệu hai trăm bốn mươi bảy nghìn đồng); Giá trị 47 cây gỗ bị cưa, chặt đổ thuộc loại gỗ thông thường, tự nhiên nhóm VI, VII, VIII với tổng khối lượng là 11,258m³ là 3.377.400đ (Ba triệu ba trăm bảy bảy nghìn bốn trăm đồng); Giá trị của 2.686 cây vầu có đường kính gốc từ 03cm đến 05 cm, chiều dài từ 04 đến 07m để tại hiện trường xảy ra vụ việc tại thời điểm ngày 06/10/2023 là 537.200 (Năm trăm ba mươi bảy nghìn hai trăm đồng). Tổng giá trị thiệt hại là 38.161.600đ (Ba mươi tám triệu một trăm sáu mươi một nghìn sáu trăm đồng).

Tại Cơ quan điều tra, Hoàng Quý Đ thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình về thời gian, địa điểm, mục đích và hình thức phát phá rừng cụ thể: Khoảng tháng 9 đến tháng 10, để có đất trồng cây mỡ nhằm kiếm thêm thu nhập cho gia đình, Hoàng Quý Đ đã một mình dùng dao và cưa xẻng phát, phá rừng thuộc lô 30, khoảnh 8, tiểu khu C. Sau đó bị cơ quan kiểm lâm phát hiện, mời làm việc và tham gia khám nghiệm hiện trường. Đạo nhất trí với kết quả khám nghiệm hiện trường, kết quả định giá như đã nêu ở trên. Ngoài ra, Đ khai việc phát, phá khu rừng trên không có ai biết, giúp sức, bàn bạc cùng thực hiện và Đ cũng không xin phép các cơ quan chức năng.

Tại bản cáo trạng số: 27/CT - VKSCM, ngày 04 tháng 7 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố đối với bị cáo Hoàng Quý Đ về tội “Huỷ hoại rừng” theo điểm c, khoản 1, Điều 243/BLHS.

Điều luật có nội dung:

“ 1. Người nào đốt, phá rừng trái phép hoặc có hành vi khác huỷ hoại rừng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) ...

c) Rừng phòng hộ có diện tích từ 3.000 mét vuông (m²) đến dưới 7.000 mét vuông (m²);

...

4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.”

Tại phiên toà đại diện viện kiểm sát bổ sung cáo trạng, bổ sung thêm nội dung công văn số 15/CV-HĐĐTSTTHS ngày 18/7/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện C về việc định giá chính Kết luận số 03 ngày 09/01/2024. Bị cáo không có thắc mắc đối với nội dung bổ sung trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Hoàng Quý Đ, Đề nghị hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Hoàng Quý Đ phạm tội “Huỷ hoại rừng”.

- Về hình phạt chính: Áp dụng điểm c, khoản 1, Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 65; Điều 50/BLHS: xử phạt bị cáo Hoàng Quý Đ từ 15 tháng đến 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng đến 36 tháng. Giao bị cáo Hoàng Quý Đ cho UBND xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

- Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Hoàng Quý Đ.

- Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị áp dụng Điều 46, 48/BLHS; Các điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015:

Buộc bị cáo Hoàng Quý Đ phải bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn dân sự là Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn số tiền 34.247.000đ. Xác nhận bị cáo Hoàng Quý Đ đã nộp số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới theo biên lai thu tiền số 0001332, ngày 24/6/2024 để đảm bảo cho việc bồi thường. Số tiền còn lại bị cáo có nghĩa vụ bồi thường là 33.247.000đ (Ba mươi ba triệu hai trăm bốn mươi bảy nghìn đồng) để sung quỹ nhà nước.

- Tạm giữ số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) bị cáo Hoàng Quý Đ đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới theo biên lai thu tiền số 0001332, ngày 24/6/2024 để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

- Về vật chứng: Áp dụng Điều 47/BLHS và Điều 106/BLTTHS: Đề nghị tịch thu tiêu hủy vật chứng không có giá trị gồm: 01 con dao là loại dao quắm, có phần cán dao làm bằng gỗ hình trụ tròn, có chiều dài 30 cm, đường kính trung bình 03 cm; phần chuôi dao và lưỡi dao làm bằng kim loại, han gỉ, đã qua sử dụng, chuôi dao dài 10 cm, lưỡi dao dài 30 cm, bản rộng trung bình 04 cm.

- Về án phí: Đề nghị HĐXX xem xét án phí theo quy định của pháp luật.

* Bị cáo Hoàng Quý Đ thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi Huỷ hoại rừng như viện kiểm sát đã truy tố; Đ nhất trí với kết quả khám nghiệm hiện trường, kết quả định giá như đã nêu ở trên. Bị cáo Hoàng Quý Đ xin được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp, đúng quy định.

[2] Khoảng tháng 9 đến tháng 10 năm 2023, để có đất trồng cây mỗ phát triển kinh tế gia đình, Hoàng Quý Đ đã một mình dùng dao của Đ và cưa xăng (cưa lốc) của bố mẹ đẻ (là ông Hoàng Phúc T1 và bà Bàn Thị G) để phát phá rừng thuộc lô 30, khoảnh 8, tiểu khu C (theo bản đồ quy hoạch 3 loại rừng xã T được phê duyệt tại

Quyết định 1794/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của UBND tỉnh B). Tổng số diện tích rừng bị phát phá là 4.756 m² (*Bốn nghìn bảy trăm năm sáu mét vuông*). Lâm sản bị thiệt hại là: 47 cây gỗ tự nhiên từ nhóm VI đến nhóm VIII có tổng khối lượng là 11,258m³ (*Mười một phẩy hai năm tám mét khối*); 2.686 cây Vầu có đường kính gốc từ 03cm đến 05 cm, chiều dài từ 04m đến 07m bị chặt hạ. Tổng giá trị thiệt hại là: 38.161.600đ (Ba mươi tám triệu một trăm sáu mươi một nghìn sáu trăm đồng). Đ thực hiện hành vi phát phá không được cơ quan có thẩm quyền cấp phép.

Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của nguyên đơn dân sự, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy có đủ căn cứ xác định việc truy tố, xét xử bị cáo Hoàng Quý Đ về tội: “Huỷ hoại rừng” theo điểm c, khoản 1, Điều 243/BLHS là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo thấy:

Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ là: “Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại”; “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”. Ngoài ra, bị cáo có ông ngoại là Bàn Sinh T2 được nhà nước tặng kỷ niệm chương chiến sỹ T Đường H, giấy chứng nhận người hoạt động kháng chiến nhiễm chất độc hoá học, giấy chứng nhận thương binh loại A hạng 4/4. Tại phiên toà nguyên đơn dân sự xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2, Điều 51/BLHS.

[4] *Về hình phạt:*

Trên cơ sở quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Xét tính chất hành vi bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ quản lý rừng của nhà nước, xâm phạm nghiêm trọng đến môi trường sinh thái, gây ra những hậu quả nghiêm trọng khác cho đời sống xã hội, cần xử lý nghiêm nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Xét thấy bị cáo Hoàng Quý Đ thực hiện hành vi phạm tội do thiếu đất sản xuất, cần phát triển kinh tế của gia đình; Bị cáo không có tài sản, không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập ổn định nên hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Bị cáo Hoàng Quý Đ có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú cụ thể rõ ràng. Xét thấy bị cáo có khả năng tự cải tạo và không cần phải bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù, áp dụng điều 65/BLHS cho bị cáo Hoàng Quý Đ được hưởng án treo là đảm bảo sự công bằng và khoan hồng của pháp luật, cho bị

cáo có cơ hội được sửa chữa mà vẫn đảm bảo rắn đẽ, giáo dục, phòng ngừa.

[5] Trách nhiệm dân sự:

* Hành vi phá rừng trái phép của bị cáo gây thiệt hại với tổng giá trị là 38.161.600đ (*Ba mươi tám triệu một trăm sáu mươi mốt nghìn sáu trăm đồng*). Trong đó:

- Đối với giá trị thiệt hại về lâm sản đối với 47 cây gỗ bị cưa, chặt đổ thuộc loại gỗ thông thường, tự nhiên nhóm VI, VII, VIII với tổng khối lượng là 11,258m³ là 3.377.400đ (*Ba triệu ba trăm bảy bảy nghìn bốn trăm đồng*); Giá trị của 2.686 cây Vầu có đường kính gốc từ 03cm đến 05 cm, chiều dài từ 04 đến 07m để tại hiện trường xảy ra vụ việc tại thời điểm ngày 06/10/2023 là 537.200 (*Năm trăm ba mươi bảy nghìn hai trăm đồng*). Tổng giá trị thiệt hại về lâm sản là: 3.914.600đ (*Ba triệu chín trăm mười bốn nghìn sáu trăm đồng*).

Xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ban hành Quyết định số 122/QĐ-ĐCSHSTMT ngày 22/3/2024 trả lại toàn bộ số gỗ và cây Vầu trên cho chủ hờ hữu là Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn dân sự không yêu cầu bồi thường thiệt hại về lâm sản. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Đối với giá trị thiệt hại về môi trường đối với diện tích rừng bị phát, phá 4.756 m² là rừng phòng hộ, trạng thái TBX (rừng gỗ tự nhiên núi đất lá rộng thường xanh trung bình) là 34.247.000đ (*Ba mươi tư triệu hai trăm bốn mươi bảy nghìn đồng*).

Xét thấy: Toàn bộ thiệt hại nêu trên là do bị cáo gây ra, lỗi thuộc về bị cáo nên yêu cầu bồi thường thiệt hại của đại diện nguyên đơn dân sự là có cơ sở, đúng pháp luật, cần được chấp nhận.

Quá trình giải quyết vụ án bị cáo Hoàng Quý Đ có nộp khoản tiền 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới. Bị cáo khai mục đích nộp khoản tiền này là để phần nào bồi thường thiệt hại do mình gây ra cho nguyên đơn dân sự là UBND huyện C. Tại phiên tòa, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn dân sự chấp nhận khoản tiền bồi thường 1.000.000đ trên và yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền còn lại là 33.247.000đ (*Ba mươi ba triệu hai trăm bốn mươi bảy nghìn đồng*) là có cơ sở, cần được chấp nhận.

[6] Về xử lý vật chứng:

- 01 con dao là loại dao quắm, có phần cán dao làm bằng gỗ hình trụ tròn, có chiều dài 30 cm, đường kính trung bình 03 cm; phần chuôi dao và lưỡi dao làm bằng kim loại, han gỉ, đã qua sử dụng, chuôi dao dài 10 cm, lưỡi dao dài 30 cm, bản rộng trung bình 04 cm.

Tại phiên tòa bị cáo khẳng định các vật chứng này là của bị cáo, không còn giá trị, đề nghị tịch thu tiêu huỷ. Hội đồng xét xử xét thấy vật chứng trên là công cụ, phương tiện phạm tội, tuy nhiên không còn giá trị nên tịch thu tiêu huỷ.

- Đối với 47 cây gỗ bị cưa, chặt đổ thuộc loại gỗ thông thường, tự nhiên nhóm VI, VII, VIII với tổng khối lượng là 11,258m³, 2.686 cây Vầu có đường kính gốc từ 03cm đến 05cm, chiều dài từ 04m đến 07m. Quá trình giải quyết vụ án Cơ quan

Cảnh sát điều tra đã ban hành Quyết định số 122/QĐ-ĐCShSKTMT ngày 22/3/2024 trả lại toàn bộ số gỗ và cây Vầu trên cho chủ hờ hữu là Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Đối với 01 cửa xăng (cửa lốc) bị cáo Hoàng Quý Đ sử dụng để phát phá trong vụ án là thuộc sở hữu của bà Bàn Thị G và ông Hoàng Phúc T1 (là bố mẹ đẻ bị cáo).

Quá trình điều tra xác định bị cáo Đ một mình lấy chiếc cửa xăng (cửa lốc) trên để phát phá rừng; bà G và ông T1 không biết bị cáo sử dụng cửa xăng để thực hiện hành vi phạm tội, không biết bị cáo tự ý sử dụng cửa lốc khi nào nên không xem xét trách nhiệm của bà G, ông T1. Quá trình điều tra bà Bàn Thị G đã giao nộp chiếc cửa xăng (cửa lốc) trên cho cơ quan chức năng trong vụ án khác và đã được giải quyết theo quy định.

[7] Về vấn đề khác:

- Đối với bà Bàn Thị H1 là người được giao quyền quản lý, sử dụng đất rừng tại lô 30, khoảnh 8, tiểu khu C (theo Bản đồ quy hoạch 3 loại rừng xã T kèm theo Quyết định 1794/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh B). Theo bản đồ đất lâm nghiệp thuộc: Thửa số 163, tờ bản đồ số 3. Tuy nhiên, bà H1 không biết bị cáo Đ phát phá; không tham gia phát phá; không biết, chứng kiến, cho phép, chỉ đạo ai phát phá nên cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với Bàn Thị H2 là phù hợp với quy định.

- Đối với chị Y K là vợ Hoàng Quý Đ biết và nhất trí cho Đ dùng số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) là tài sản chung của vợ chồng nộp tại cơ quan Thi hành án dân sự huyện C với mục đích để bồi thường thiệt hại cho Đ. Chị Y K không yêu cầu Hoàng Quý Đ phải hoàn trả lại bất kỳ khoản tiền nào và không có yêu cầu gì trong vụ án nên hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về quan điểm truy tố và đề nghị của Viện kiểm sát: Là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[9] Về án phí: Bị cáo là đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí, được miễn án phí theo quy định tại khoản 2, Điều 136/BLTTHS, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

[1]. Tuyên bố bị cáo Hoàng Quý Đ phạm tội: “Huỷ hoại rừng”.

[2] Căn cứ vào điểm c, khoản 1, Điều 243; các điểm b, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 50, Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Hoàng Quý Đ (Mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **30** (Ba mươi) tháng. Thời điểm bắt đầu tính thời gian thử thách là ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Hoàng Quý Đ cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn

giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp Hoàng Quý Đ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3, Điều 92 và Điều 68 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

[3] Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 46, 48/BLHS; Các điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Hoàng Quý Đ phải bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn dân sự là Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn số tiền 34.247.000đ. Xác nhận bị cáo Hoàng Quý Đ đã nộp số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới theo biên lai thu tiền số 0001332, ngày 24/6/2024 để đảm bảo cho việc bồi thường. Số tiền còn lại bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho nguyên đơn dân sự là **33.247.000đ** (Ba mươi ba triệu hai trăm bốn mươi bảy nghìn đồng), để sung quỹ nhà nước

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[4] Vật chứng: Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự và điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 con dao là loại dao quắm, có phần cán dao làm bằng gỗ hình trụ tròn, có chiều dài 30 cm, đường kính trung bình 03 cm; phần chuôi dao và lưỡi dao làm bằng kim loại, han gỉ, đã qua sử dụng, chuôi dao dài 10 cm, lưỡi dao dài 30 cm, bản rộng trung bình 04 cm, giữa phần cán dao và chuôi dao có cuốn giấy niêm phong, trên giấy niêm phong có 06 (sáu) chữ ký, 06 (sáu) dòng chữ viết tay: “Dịp T, Hoàng Quý Đ, Nguyễn Đức H3, Nguyễn Văn N, Hà Văn H4, Lương Quốc A”, 02 (hai) hình dấu tròn đỏ của Cơ quan CSĐT, Công an huyện C.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng giữa Công an huyện C và Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn ngày 09/7/2024).

- Tạm giữ số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) bị cáo Hoàng Quý Đ đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới theo biên lai thu tiền số 0001332, ngày 24/6/2024 để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

[5] Án phí: Căn cứ khoản 2, Điều 136/BLTTHS và Điều 12, 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn toàn bộ án phí sơ thẩm cho bị cáo Hoàng Quý Đ.

[6] Quyền kháng cáo: Bị cáo Hoàng Quý Đ; Nguyên đơn dân sự; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bàn Thị G, Y K có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Hoàng Phúc T1, Bàn Thị H1 vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Kạn (1);
- VKSND huyện Chợ Mới (3);
- Công an huyện Chợ Mới (2);
- Bị cáo (1);
- Nguyên đơn dân sự (1);
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (4);
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Kạn (1);
- TAND tỉnh Bắc Kạn (1);
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới (1);
- Thi hành án hình sự (1);
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bảo Thanh Toàn

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tại phiên toà đại diện viện kiểm sát bổ sung cáo trạng, bổ sung thêm nội dung công văn số 15/CV-HĐĐGTSTTHS ngày 18/7/2024 của Hội đồng định giá tài sản trọng Tổ tụng hình sự huyện C về việc đính chính Kết luận số 03 ngày 09/01/2024: Thay đổi giá trị thiệt hại về môi trường từ 17.803.000đ nay sửa là: 34.247.000đ; Tổng giá trị thiệt hại 21.717.600đ nay sửa là 38.161.600đ. Bị cáo không có thắc mắc đối với nội dung bổ sung trên.